TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 201/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26/12/2025
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diễm Trinh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trương Văn Hơn**

2. Bà **Huỳnh Thị Mỹ Hà**

Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Hùng Mạnh**– Là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Tuyền**, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 340/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 647/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 530/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Trần H**, sinh năm: 1985 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

* Bị đơn: **Đỗ Thị Xuân H1**, sinh năm: 1982 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh H là nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần H và chị Đỗ Thị Xuân H1 tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới vào năm 2010, có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang (Nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp). Quá trình chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H đi làm xa, ít về thăm vợ con nên xảy ra bất đồng quan điểm sống với chị H1. Hiện tại anh H và chị H1 đã không còn chung sống với nhau khoảng 01 năm; Trong thời gian không chung sống anh H có liên lạc để hàn gắn nhưng chị H1 không

đồng ý, nay tình cảm không còn anh H yêu cầu ly hôn với chị H1.

Về con chung: Anh chị chung sống có 01 con chung tên Trần Thị Phương T, sinh ngày 04/10/2011, hiện cháu T đang sống chung chị H1. Ly hôn, anh Trần H yêu cầu giao con chung cho chị Đỗ Thị Xuân H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh H và chị H1 tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn chị Đỗ Thị Xuân H1 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và phiên tòa. Tuy nhiên, chị H1 đã gửi cho Tòa án đơn đề nghị xét xử vắng mặt và văn bản trình bày ý kiến chị H1 đối với yêu cầu khởi kiện của anh Trần H như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H1 đồng ý ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị H1 đồng ý được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên Trần Thị Phương T, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2011, chị H1 không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Đồng Tháp phát biểu ý kiến: - Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án,Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần H, cho anh Trần H được ly hôn với chị Đỗ Thị Xuân H1. Về con chung: Giao 01 con chung tên Trần Thị Phương T, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2011 cho chị Đỗ Thị Xuân H1 được tiếp tục nuôi dưỡng, anh Trần H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Đỗ Thị Xuân H1 không có yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh Trần H yêu cầu được ly hôn với bị đơn chị Đỗ Thị Xuân H1, sinh năm 1982, ngụ tại ấp H, xã L, tỉnh Đồng Tháp nên đây là quan hệ "*Tranh chấp ly hôn"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Bị đơn chị Đỗ Thị Xuân H1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Đỗ Thị Xuân H1.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần H và chị Đỗ Thị Xuân H1 tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn vào năm 2009 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét yêu cầu ly hôn của anh H, căn cứ vào lời khai của anh, Hội đồng xét xử nhận thấy, anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H thường xuyên đi làm ăn xa, ít về thăm vợ con nên anh chị xảy ra bất đồng quan điểm sống với nhau, giữa anh chị không có tiếng nói chung, hiện tại anh chị đã không còn chung sống với nhau khoảng 01 năm nay; Trong thời gian không chung sống anh H có liên lạc để hàn gắn nhưng chị H1 không đồng ý, nay tình cảm không còn anh H yêu cầu ly hôn với chị H1. Chị H1 xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử công bố ý kiến của chị H1 đối với yêu cầu khởi kiện của anh H. Từ những tình tiết nêu trên, cho thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H với chị H1 là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Anh chị chung sống có 01 con chung tên Trần Thị Phương T, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2011, hiện đang sống chung với chị H1. Ly hôn, anh H yêu cầu giao con chung cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng, anh chị tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con. Ý kiến của chị H1 theo lời khai gửi Tòa án, chị H1 đồng ý tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Theo lời khai nguyện vọng của con chung, cháu T muốn được tiếp tục chung sống mẹ. Nhằm tránh sự xáo trộn trong cuộc sống của con chung nên cần giao con chung cho chị H1 được tiếp tục nuôi dưỡng và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H1 không có yêu cầu, là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về án phí: Anh Trần H có yêu cầu ly hôn nên anh Trần H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[4] Về đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần H.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần H và chị Đỗ Thị Xuân H1 được ly hôn.

2/ Về con chung: Giao 01 con chung tên Trần Thị Phương T, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2011 cho chị Đỗ Thị Xuân H1 được tiếp tục nuôi dưỡng, anh Trần H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Đỗ Thị Xuân H1 không có yêu cầu.

Anh Trần H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Anh Trần H phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004780 ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, anh Trần H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Chị Đỗ Thị Xuân H1 không phải chịu án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án và các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Diễm Trinh

Nơi nhận:
- TAT Đồng Tháp;
- VKSND Khu vực 2 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Long Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Trinh